

Số: 196/CB-SXD

Điện Biên, ngày 03 tháng 3 năm 2016

CÔNG BỐ

Định mức dự toán đặc thù khai thác, chế biến đá, cát sỏi các loại; Định mức bốc xếp vật tư vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công và hướng dẫn phương pháp tính chi phí sản xuất một số loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng V/v Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 V/v Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Định mức số 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng về Ban hành định mức vật tư trong xây dựng;

Căn cứ Định mức số 1776/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng đã được bổ sung theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng v/v Công bố định mức dự toán trong xây dựng công trình - Phần xây dựng (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng V/v Công bố định mức dự toán xây dựng công trình Phần xây dựng (sửa đổi và bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Để các Chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư có cơ sở quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước, Sở Xây dựng Công bố một số định mức dự toán đặc thù khai thác, chế biến đá, cát sỏi các loại, định mức bốc xếp vật tư vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công và hướng dẫn phương pháp tính chi phí sản xuất một số loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên như sau:

I. Nguyên tắc, cơ sở thực hiện và căn cứ xác định chi phí.

1. Nguyên tắc, cơ sở thực hiện:

Định mức đặc thù khai thác, chế biến đá, cát sỏi các loại; định mức bốc xếp vật tư vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công xác định theo hướng dẫn tại công bố này được thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với định mức vật tư trong xây dựng được Bộ Xây dựng ban hành;
- Các hao phí liên quan trong công tác khai thác, chế biến chưa có hướng dẫn, được vận dụng theo định mức dự toán trong xây dựng công trình - Phần xây dựng của Bộ Xây dựng trên cơ sở đặc điểm, tính chất công việc có tính chất tương tự và yêu cầu về hiệu quả kinh tế.
- Đáp ứng yêu cầu chi trả một số khoản chi phí thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư, đơn vị cá nhân tham gia hoạt động khai thác, chế biến vật liệu xây dựng theo quy định.

2. Căn cứ để xác định chi phí.

2.1. Định mức hao phí vật liệu trong phá đá vôi trên núi.

Áp dụng Định mức vật tư 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng với mã hiệu định mức 06.0034

2.2. Định mức tiêu hao vật liệu nổ khi phá bỏ đá tảng, đá quá cỡ 18%.

Áp dụng Định mức vật tư 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng với mã hiệu định mức 06.0034.

- 1m^3 đá nguyên khai = $1,8\text{m}^3$ đá nở rời.

- 1m^3 đá có thể thu hồi được sau khi nổ mìn = $1,8\text{m}^3 - (1,8\text{m}^3 \times 9\% \text{ đá vụn khi nổ mìn không thu hồi được}) = 1,64\text{m}^3$.

- Tỷ lệ đá quá cỡ cần phá bỏ tính cho 1m^3 đá hộc = $18\%/1,64\text{m}^3 \approx 11\%/m^3$

2.3. Định mức hao phí nhân công trong sản xuất đá hộc:

- Vận dụng mã hiệu định mức AB.51132 công tác phá đá mặt bằng công trình bằng máy khoan D105mm, đá cấp II theo quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng.

- Nhân công khai thác đá hộc bậc 3,5/7: áp dụng bảng đơn giá số 1, nhóm II - vùng IV theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng.

2.4. Định mức hao phí máy thi công, vật liệu khác trong sản xuất đá hộc

- Vận dụng định mức dự toán xây dựng công trình - phần xây dựng ban hành theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, công tác phá đá mặt bằng công trình bằng máy khoan D105mm, đá cấp II với mã hiệu định mức AB.51132.

2.5. Định mức hao phí về nhân công trong ca máy, hao phí về máy thi công với nội dung công việc xúc đá sau nổ mìn lên phương tiện vận chuyển hoặc đổ bên cạnh bằng máy đào $1,25\text{m}^3$.

- Áp dụng mã hiệu định mức AB.52121 theo quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng.

- Đơn giá nhân công xúc đá trong ca máy bậc 3,5/7: áp dụng bảng đơn giá số 1, nhóm II - vùng IV theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng.

2.6. Định mức hao phí ca máy trong vận chuyển đá đến trạm nghiền $\leq 300m$ bằng ô tô tự đổ 12 tấn: Áp dụng mã hiệu định mức AB.53141 theo quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng

2.7. Định mức hao phí nhân công, máy thi công trong công tác xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển máy đào $1,25 m^3$:

- Áp dụng mã hiệu định mức AB.55311 theo quy định tại Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng. Đơn giá nhân công xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển bằng máy đào bậc 3/7: áp dụng bảng đơn giá số 1, nhóm II - vùng IV theo quy định tại Thông tư số 01/2015/TT-BXD.

2.8. Định mức khai thác cát:

Định mức về hao phí vật liệu, hao phí về nhân công và hao phí về ca máy trong khai thác, sản xuất cát theo công nghiệp: vận dụng mã hiệu định mức AB.61210 - ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, mã hiệu AB.61210

2.9. Thuế tài nguyên: Áp dụng Nghị Quyết số 712/NQ-UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số 18228/BTC-CST ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

2.10. Đơn giá tính thuế tài nguyên: Áp dụng Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên V/v Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2.11. Phí đánh giá tác động môi trường (DTM): Theo quy mô, trữ lượng mỏ, công suất khai thác... của từng cơ sở sản xuất để xác định chi phí đánh giá DTM cho phù hợp theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.12. Phí bảo vệ môi trường: Theo Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ V/v quy định chi tiết về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

2.13. Định mức chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước: Áp dụng bảng 3.8 của Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng.

2.14. Tiền thuê đất: Tùy theo tính chất về quy mô diện tích thuê đất để xác định phù hợp với từng đơn vị.

2.15. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá: Theo quy mô về diện tích, trữ lượng, công suất khai thác đăng ký và thời hạn khai thác của từng mỏ để xác định phù hợp với quy định tại Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

II. Định mức dự toán đặc thù và phương pháp tính chi phí khai thác sản xuất đá các loại.

1. Phạm vi áp dụng: Định mức khai thác, sản xuất đá các loại áp dụng cho các cơ sở khai thác, sản xuất đá theo công nghiệp có dây chuyền, công nghệ, máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ.

2. Thành phần công việc và nội dung định mức đặc thù:

2.1. Khai thác đá hộc.

Thành phần công việc:

+ Phát dọn mặt bằng.

+ Bóc lớp tầng phủ (đối với các mỏ có tầng phủ không đáng kể).

+ Cảnh giới.

+ Khoan nổ mìn.

+ Xử lý quá cỡ đá theo tiêu chuẩn, xúc đá lên phương tiện vận chuyển, vận chuyển đá đến trạm nghiền và tập kết đá theo quy định.

2.2. Chế biến đá dăm các loại.

- Tỷ lệ hao hụt từ đá hộc ra đá dăm các loại áp dụng mục IV phần II định mức hao hụt vật liệu qua các khâu gia công ban hành kèm theo Văn bản số 1784/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng.

- Máy: Sử dụng máy nghiền sàng đá di động công suất 125m³/h.

- Tỷ lệ chi phí khác theo quy định hiện hành.

2.3. Hệ số quy đổi

a. Đá nguyên khai

1m³ đá nguyên khai bằng 1,64 m³ đá hộc nở rời (trừ 9%) đá vụn.

b. Thuốc nổ:

0,83 kg thuốc nổ Đinamit = 1kg Amônít → 1kg thuốc nổ Đinamit = 1,2kg

Amônít.

Đơn vị tính: 1m³ đá

STT	Thành phần hao phí	ĐVT	Định mức
I	Đá hộc		
1	Định mức dự toán đặc thù = (a+b+c+d+e)		
a	Vật liệu		
-	Vật liệu nổ phá đá vôi trên núi		
	Thuốc nổ Amônít	kg	0,1580
	Kíp vi sai	cái	0,4390
	Dây nổ	m	0,5488
-	Vật liệu nổ phá đá, xử lý quá cỡ		
	Thuốc nổ Amônít	kg	0,0174
	Kíp vi sai	cái	0,0483
	Dây cháy chậm	m	0,0604
-	Mũi khoan Φ 105mm	cái	0,0028

-	Mũi khoan Φ 42mm	cái	0,0006
-	Cần khoan Φ 89mm, L= 0,96m	cái	0,0014
-	Cần khoan Φ 32mm, L= 0,7m	cái	0,0003
-	Quả đập khí nén Φ 105mm	cái	0,0010
-	Vật liệu khác	%	2
b	Nhân công		
	Nhân công 3,5/7 (đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II-vùng IV)	công	0,0354
c	Máy thi công		
	Máy khoan xoay đập tự hành D105	ca	0,0079
	Máy nén khí diezel 660m ³ /h	ca	0,0079
	Máy khoan cầm tay Φ 32- Φ 42	ca	0,0014
	Máy nén khí diezel 660m ³ /h	ca	0,0005
	Máy khác	%	2
d	Chi phí xúc đá sau nổ mìn lên phương tiện vận chuyên hoặc đổ bên cạnh bằng máy xúc 1,25m ³ (áp dụng mã hiệu định mức AB.52121)		
	Nhân công		
	Nhân công bậc 3,5/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,0180
	Máy thi công		
	Máy đào 1,25 m ³	ca	0,0043
	Máy ủi 110CV	ca	0,0014
e	Chi phí vận chuyên đá đến trạm nghiền \leq 300m bằng ô tô tự đổ 12T (áp dụng định mức mã hiệu định mức AB.53141)		
		ca	0,0087
2	Các chi phí để tính giá thành sản xuất = (a+b+c+d+e +f+g)		
a	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)		
		%	7
b	Phí Bảo vệ môi trường (tính theo quy định về phí BVMT và tỷ trọng của đá hộc) 3.000đ/m ³ * 1,5 tấn = 4.500đ/m ³		
		m ³	4.500

c	Phí đánh giá ĐTM + Cải tạo phục hồi môi trường	m ³	Theo chi phí thực tế đánh giá ĐTM + Cải tạo phục hồi môi trường
d	Tiền thuê đất	m ²	Theo quyết định phê duyệt tiền thuê đất của UBND tỉnh
e	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo ND 203/NĐ-CP	m ³	Theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của UBND tỉnh
f	Chi phí lập báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng	m ³	Theo chi phí công tác đánh giá trữ lượng, chất lượng
g	Chi phí lập Dự án đầu tư (Báo cáo KTKT)	m ³	Theo chi phí lập hồ sơ Báo cáo KTKT
3	Chi phí chung (1*5,5%)	%	5,5
4	Thu nhập CTTTT (1+3)*6%	%	6
5	Tổng cộng: (1+2+3+4)		
II	Đá 4x6		
1	Hao hụt từ đá hộc	m ³	1,1
2	Máy nghiền sàng công suất 125m ³ /h	ca	0,0019
3	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m ³ (áp dụng định mức mã hiệu định mức AB.55311)		
	Nhân công		

	Nhân công bậc 3,0/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,01196
	Máy thi công		
	Máy đào 1,25 m ³	ca	0,00328
	Máy ủi 110CV	ca	0,00057
4	Chi phí chung (1+2+3)*5,5%	%	5,5
5	Thu nhập CTTTT (1+2+3+4)*6%	%	6
6	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
7	Tổng cộng: (1+2+3+4+5+6)		
III	Đá 2x4		
1	Hao hụt từ đá hộc	m ³	1,15
2	Máy nghiền sàng công suất 125m ³ /h	ca	0,0019
3	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m ³ (áp dụng định mã hiệu định mức AB.55311)		
	Nhân công		
	Nhân công bậc 3,0/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,01196
	Máy thi công		
	Máy đào 1,25 m ³	ca	0,00328
	Máy ủi 110CV	ca	0,00057
4	Chi phí chung (1+2+3)*5,5%	%	5,5
5	Thu nhập CTTTT (1+2+3+4)*6%	%	6
6	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
7	Tổng cộng: (1+2+3+4+5+6)		
IV	Đá 1x2		
1	Hao hụt từ đá hộc	m ³	1,2
2	Máy nghiền sàng công suất 125m ³ /h	ca	0,0019
3	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m ³ (áp dụng định mã hiệu định mức AB.55311)	m ³	1

Nhân công			
	Nhân công bậc 3,0/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,01196
Máy thi công			
	Máy đào 1,25 m ³	ca	0,00328
	Máy ủi 110CV	ca	0,00057
4	Chi phí chung (1+2+3)*5,5%	%	5,5
5	Thu nhập CTTTT (1+2+3+4)*6%	%	6
6	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
7	Tổng cộng: (1+2+3+4+5+6)		
V Đá 0,5x1			
1	Hao hụt từ đá hộc	m ³	1,2
2	Máy nghiền sàng công suất 125m ³ /h	ca	0,0019
3	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m ³ (áp dụng định mã hiệu định mức AB.55311)	m ³	1
Nhân công			
	Nhân công bậc 3,0/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,01196
Máy thi công			
	Máy đào 1,25 m ³	ca	0,00328
	Máy ủi 110CV	ca	0,00057
4	Chi phí chung (1+2+3)*5,5%	%	5,5
5	Thu nhập CTTTT (1+2+3+4)*6%	%	6
6	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
7	Tổng cộng: (1+2+3+4+5+6)		
VI Đá mặt			
a	Hao hụt từ đá hộc	m ³	1,2
b	Máy nghiền sàng công suất 125m ³ /h	ca	0,0019
c	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m ³ (áp dụng định mã hiệu định mức AB.55311)		

Nhân công			
	Nhân công bậc 3,0/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,01196
Máy thi công			
	Máy đào 1,25 m ³	ca	0,00328
	Máy ủi 110CV	ca	0,00057
4	Chi phí chung (1+2+3)*5,5%	%	5,5
5	Thu nhập CTTTT (1+2+3+4)*6%	%	6
6	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
7	Tổng cộng: (1+2+3+4+5+6)		
VII Base và Subbase			
1	Hao hụt từ đá hộc (bình quân hao hụt của đá dăm các loại)	m ³	1,1325
2	Máy nghiền sàng công suất 125m ³ /h	ca	0,0019
3	Chi phí xúc đá hỗn hợp các loại lên phương tiện vận chuyển bên mua bằng máy xúc 1,25m ³ (áp dụng định mã hiệu định mức AB.55311)		
Nhân công			
	Nhân công bậc 3,0/7 áp dụng đơn giá nhân công công nhân xây dựng theo bảng số 1, nhóm II - vùng IV)	công	0,01196
Máy thi công			
	Máy đào 1,25 m ³	ca	0,00328
	Máy ủi 110CV	ca	0,00057
4	Chi phí chung (1+2+3)*5,5%	%	5,5
5	Thu nhập CTTTT (1+2+3+4)*6%	%	6
6	Thuế tài nguyên (tính trên giá theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh Điện Biên)	%	7
7	Tổng cộng: (1+2+3+4+5+6)		

Ghi chú:

- Chi phí khai thác, sản xuất đá hộc nói trên chưa bao gồm các chi phí: Bồi thường GPMB; xây dựng làm đường và bảo dưỡng, sửa chữa đường vào mỏ (nếu có).. tùy thuộc theo Đề án khai thác của từng điểm mỏ cụ thể.

- Chi phí sản xuất đá dăm các loại được tính như sau: (VL + NC + MIC + phí BVMT + phí đánh giá ĐTM + tiền thuê đất + tiền cấp quyền khai thác khoáng sản...) - (thuế tài nguyên + chi phí chung + thu nhập CTTT).

III. Định mức dự toán đặc thù và phương pháp tính chi phí khai thác sản xuất cát, sỏi bằng máy.

1. Phạm vi áp dụng: Định mức khai thác, sản xuất áp dụng cho các cơ sở khai thác, sản xuất cát, sỏi tự nhiên tại các điểm mỏ được cấp phép và sản xuất theo phương án công nghiệp.

2. Thành phần công việc và nội dung định mức đặc thù:

- Cơ sở áp dụng: Vận dụng định mức bơm cát san lấp mặt bằng bằng máy bơm động cơ diesel công suất 126CV - ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, mã hiệu AB.61210

- Thành phần công việc: Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển, rải ống, lắp đặt ống nhựa PVC từ máy bơm đến bãi tập kết cự ly xa nhất $\leq 0,5\text{km}$.

Đơn vị tính: 100m^3

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức
I	Khai thác cát		
1	Định mức dự toán đặc thù = (a+b+c)		
a	Vật liệu		
	Ống nhựa PVC $\Phi 200$	m	0,8
	Vật liệu khác	%	2
b	Nhân công		
	Nhân công bậc 3/7 - bảng số 1, nhóm I	Công	0,46
c	Máy thi công		
	Máy hút cát công suất 126CV	ca	0,12
2	Các chi phí để tính giá thành sản xuất = (a+b+c+d+e+f+g)		
a	Thuế TNMT (200.000đ/ m^3)	%	11
b	Phí BVMT	đ/ m^3	5.000
c	Phí đánh giá ĐTM và cải tạo phục hồi môi trường (chỉ áp dụng đối với các mỏ có trữ lượng, công suất khai thác bắt buộc)	đ/ m^3	Theo chi phí thực hiện đánh giá ĐTM + Cải tạo phục hồi môi trường

	phải đánh giá ĐTM và cải tạo phục hồi môi trường theo quy định)		
d	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	đ/m ³	Theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của UBND tỉnh
e	Tiền thuê đất	đ/m ²	Theo quyết định phê duyệt tiền thuê đất của UBND tỉnh
f	Chi phí lập báo cáo thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng	đ/m ³	Theo chi phí thực hiện công tác đánh giá trữ lượng, chất lượng
g	Chi phí lập Dự án đầu tư (Báo cáo KTKT)	đ/m ³	Theo chi phí lập hồ sơ Báo cáo KTKT
3	Chi phí chung (1*5,5%)	%	5,5
4	Thu nhập chịu thuế tính trước (1+3)*6%	%	6
5	Giá trước thuế (1+2+3+4)		
II	Sỏi qua sàng tuyển		
1	Định mức dự toán đặc thù = (a+b+c)		
a	Vật liệu		
	Ống nhựa PVC Φ200	m	0,8
	Vật liệu khác	%	2
b	Nhân công		
	Nhân công bậc 3/7 - bảng số 1, nhóm I	Công	0,46
c	Máy thi công		
	Máy hút cát công suất 126CV	ca	0,12
2	Hao hụt trong khâu sàng tuyển (1*6%)	%	6
3	Chi phí chung (1+2)*5,5%	%	5,5
4	Thu nhập chịu thuế tính trước (1+2+3)*6%	%	6
5	Giá trước thuế (1+2+3)		

Ghi chú: Chi phí khai thác, sản xuất cát sỏi nói trên chưa bao gồm các chi phí: Bồi thường GPMB; xây dựng làm đường và bảo dưỡng, sửa chữa đường vào mỏ (nếu có).. tùy thuộc theo Đề án khai thác của từng điểm mỏ cụ thể.

IV. Định mức dự toán đặc thù và phương pháp tính chi phí khai thác sản xuất đất sét, cấp phối đồi, cát và cấp phối lọt sàng.

1. Phạm vi áp dụng: Định mức khai thác, sản xuất đất sét, cấp phối đồi, cát và cấp phối lọt sàng áp dụng cho các đơn vị, cơ sở thực hiện khai thác có tính chất thu gom, nhỏ lẻ trong vùng dự án để phục vụ thi công xây dựng công trình sau khi đã được cấp thẩm quyền cho phép thực hiện khai thác.

2. Khai thác bằng thủ công

2.1. Khai thác đất sét

- Cơ sở áp dụng: Vận dụng Định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, mã hiệu định mức AB.11211 - đào đất bằng thủ công, đất cấp I.

- Thành phần công việc: Đào xúc, đổ đúng nơi quy định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m.

Đơn vị tính: công/m³

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
ĐB.01	Khai thác đất sét		
a	Nhân công 3/7	công	0,45
b	Chi phí chung (a*2,5%)	%	2,5
c	Thu nhập chịu thuế tính trước (a+b)*3%	%	3
d	Giá trước thuế (a+b+c)		

2.2. Khai thác cấp phối đồi

- Cơ sở áp dụng: Vận dụng Định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, mã hiệu định mức AB.11212 - đào đất bằng thủ công, đất cấp II.

- Thành phần công việc: Đào xúc, đổ đúng nơi quy định hoặc đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m.

Đơn vị tính: công/m³

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
ĐB.02	Khai thác cấp phối đồi		
a	Nhân công 3/7	công	0,62
b	Chi phí chung (a*2,5%)	%	2,5
c	Thu nhập chịu thuế tính trước (a+b)*3%	%	3
d	Giá trước thuế (a+b+c)		

2.3. Định mức khai thác cát, cấp phối lọt sàng

- Cơ sở áp dụng và thành phần công việc: Vận dụng định mức kèm theo Văn bản 593/XDCB ngày 09/10/2000 của Sở Xây dựng Lai Châu (cũ)

Đơn vị tính: công/m³

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
ĐB.03	Khai thác cát		
a	Nhân công 3/7	công	0,5
b	Chi phí chung (a*2,5%)	%	2,5
c	Thu nhập chịu thuế tính trước (a+b)*3%	%	3
d	Giá trước thuế (a+b+c)		
ĐB.04	Khai thác cấp phối lọt sàng		
a	Nhân công 3/7	công	0,575
b	Chi phí chung (a*2,5%)	%	2,5
c	Thu nhập chịu thuế tính trước (a+b)*3%	%	3
d	Giá trước thuế (a+b+c)		

3. Định mức khai thác bằng máy

3.1. Khai thác đất sét

- Cơ sở áp dụng: Vận dụng Định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, mã hiệu định mức AB.21121 - đào đất bằng máy, đất cấp I.

- Thành phần công việc: Đào đất bằng máy đào đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m.

Đơn vị tính: 100 m³

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
ĐB.05	Khai thác đất sét		
a	Nhân công 3/7	công	0,5
b	Máy đào 0,8 m ³	ca	0,25
c	Chi phí chung (a+b)*2,5%	%	2,5
d	Thu nhập chịu thuế tính trước (a+b+c)*3%	%	3
e	Giá trước thuế (a+b+c+d)		

3.2. Khai thác cấp phối đồi

- Cơ sở áp dụng: Vận dụng Định mức dự toán xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, mã hiệu định mức AB.21122 - đào đất bằng máy, đất cấp II.

- Thành phần công việc: Đào đất bằng máy đào đổ lên phương tiện vận chuyển trong phạm vi 10m.

Đơn vị tính: 100m³

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
ĐB.06	Khai thác đất sét		
a	Nhân công 3/7	công	0,65
b	Máy đào 0,8 m ³	ca	0,294
c	Chi phí chung (a+b)*2,5%	%	2,5
d	Thu nhập chịu thuế tính trước (a+b+c)*3%	%	3
e	Giá trước thuế (a+b+c+d)		

3.3. Khai thác cát bằng máy

- Cơ sở áp dụng: Vận dụng định mức bom cát san lấp mặt bằng bằng máy bơm động cơ diesel công suất 126CV - ban hành kèm theo Quyết định số 1091/QĐ-BXD ngày 26/12/2011 của Bộ Xây dựng, mã hiệu AB.61210

- Thành phần công việc: Chuẩn bị dụng cụ, phương tiện máy móc, thiết bị thi công, vận chuyển, rải ống, lắp đặt ống nhựa PVC từ máy bơm đến bãi tập kết cự ly xa nhất ≤ 0,5km.

Đơn vị tính: 100m³

Mã hiệu	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
ĐB.07	Khai thác cát bằng máy		
a	Vật liệu		
	Ống nhựa PVC Φ200	m	0,8
	Vật liệu khác	%	2
b	Nhân công 3/7	công	0,46
c	Máy động cơ diesel công suất 126 CV	ca	0,12
d	Chi phí chung (a+b+c)*2,5%	%	2,5
e	Thu nhập chịu thuế tính trước (a+b+c+d)*3%	%	3
f	Giá trước thuế (a+b+c+d+e)		

Ghi chú: Định mức đặc thù khai thác đất sét, cấp phối đồi, khai thác cát, cấp phối sỏi suối bằng thủ công và bằng máy chưa bao gồm các chi phí: Thuế tài nguyên, phí BVMT... và các chi phí phụ trợ phục vụ công tác khai thác: Làm đường vào mỏ, bồi thường GPMB.. (nếu có)

V. Định mức công tác bốc xếp

- Định mức dự toán bốc xếp các loại vật liệu và cấu kiện xây dựng bằng thủ công được sử dụng trong trường hợp bốc xếp phục vụ việc vận chuyển bằng phương tiện thô sơ trong phạm vi nội bộ công trình (≤300m) tùy theo đặc điểm của công trình.

- Định mức bóc xếp các loại vật liệu và cấu kiện xây dựng làm cơ sở để các Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân tham khảo, áp dụng trong lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

5.1. Bóc xếp vật liệu rời lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công: Vận dụng mã hiệu định mức AM.11000 theo Quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng.

Nội dung công việc:

- Chuẩn bị, bóc xếp, xúc vật liệu lên phương tiện vận chuyển, đổ xuống đúng nơi quy định đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Nhân công bậc: 3/7 (Áp dụng bảng số 1 - phụ lục số 2, cấp bậc hệ số công nhân xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD).

Đơn vị tính: công

Stt	Loại vật liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Cát xây dựng	m ³	0,136
2	Đất các loại	m ³	0,229
3	Sỏi, đá dăm các loại	m ³	0,208
4	Đá hộc	m ³	0,280

5.2. Bóc xếp vật liệu khác bằng thủ công: Vận dụng mã hiệu định mức AM.12000 theo Quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng.

Nội dung công việc:

- Chuẩn bị, bóc xếp vật liệu lên phương tiện vận chuyển, chèn, neo, giữ theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Nhân công bậc: 3,0/7 (Áp dụng bảng số 1 - phụ lục số 2, cấp bậc hệ số công nhân xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD).

Đơn vị tính: công

Stt	Loại vật liệu	Đơn vị	Số lượng	
			Bóc lên	Bóc xuống
1	Xi măng bao	tấn	0,101	0,067
2	Gạch xây các loại (theo tiêu chuẩn)	1000 viên	0,216	0,144
3	Gạch ốp, lát các loại	100 m ²	0,312	0,208
4	Ngói các loại	1000 viên	0,24	0,16
5	Đá ốp, lát các loại	100 m ²	0,336	0,224
6	Sắt thép các loại	tấn	0,197	0,131
7	Gỗ các loại	m ³	0,11	0,074
8	Tre, cây chống các loại	100 cây	0,327	0,218

5.3. Bóc xếp cấu kiện bê tông, trọng lượng P≤200kg bằng thủ công. Vận dụng mã hiệu định mức AM.13000 theo Quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng.

Nội dung công việc

- Chuẩn bị, bốc xếp các cấu kiện lên phương tiện vận chuyển, chèn, neo, giữ theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Bốc xếp cấu kiện xuống đúng nơi quy định.

- Nhân công bậc: 3/7 (Áp dụng bảng số 1 - phụ lục số 2, cấp bậc hệ số công nhân xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng).

Đơn vị tính: 1 tấn

Stt	Công tác bốc xếp	Đơn vị	Số lượng	
			Bốc lên	Bốc xuống
1	Bốc xếp cấu kiện bê tông, trọng lượng P≤200kg bằng thủ công	tấn	0,197	0,131

5.4. Bốc xếp cấu kiện bê tông bằng cơ giới. Vận dụng mã hiệu định mức AM.14000 theo Quyết định số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng.

Nội dung công việc

- Chuẩn bị, bốc xếp các cấu kiện lên phương tiện vận chuyển, chèn, neo, giữ theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Bốc xếp cấu kiện xuống đúng nơi quy định.

- Nhân công bậc: 3/7 (Áp dụng bảng số 2 - phụ lục số 2, cấp bậc hệ số công nhân xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BXD).

Đơn vị tính: 1 tấn

STT	Công tác bốc xếp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng	
				Bốc xếp lên	Bốc xếp xuống
1	Bốc xếp cấu kiện bê tông bằng cơ giới	<i>Nhân công</i>			
		Nhân công bậc 3,0/7	công	0,017	0,012
		<i>Máy thi công</i>			
		Cần cẩu 10 tấn	ca	0,009	0,006

Công bố này thay thế Hướng dẫn số 521/HD-SXD ngày 13/8/2010 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên về khai thác, chế biến đá các loại; định mức bốc xếp, vận chuyển vật tư, vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công, xe thô sơ trên địa bàn tỉnh Điện Biên và có hiệu lực kể từ ngày ký.

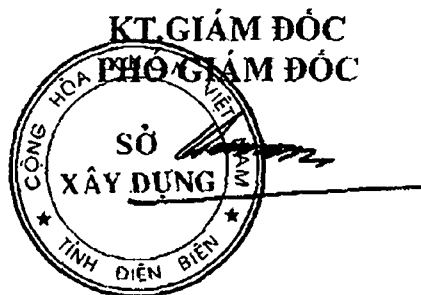
Khuyến khích các Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn khác áp dụng Công bố này.

Trên đây là Công bố của Sở Xây dựng về Định mức dự toán khai thác, chế biến đá, cát sỏi các loại, định mức bốc xếp vật tư vật liệu, các cấu kiện xây dựng bằng thủ công và hướng dẫn phương pháp tính chi phí sản xuất một số loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (thay B/C);
- Bộ Xây dựng (thay B/C);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Sở quản lý chuyên ngành;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Các phòng, ban của Sở;
- Lưu VT, KTXDTH.



Phạm Văn Sỹ